TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2018/ HNGĐ –ST
Ngày: 15 / 01 /2018
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Văn Tháo.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thiện Nhân;

2. Ông Đỗ Tấn Thọ.

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Trần Minh Quyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Ngân-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án đã thụ lý số: 456/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng10 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 04/12/2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Lê Thị T**, sinh năm 1977(Có mặt)

Địa chỉ; Khu phố 3, thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh BT.

*Bị đơn: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/ 8/2017và những lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Lê Thị T và Nguyễn Thanh T cưới nhau vào năm 1999 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Bình Thới. Quá trình sinh sống có hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân

do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, anh T không lo cuộc sống gia đình, vợ chông sống với nhau không hợp, vì vậy vợ chồng chị T và anh T ly thân từ tháng 06 năm 2017 cho đến nay, anh T và chị T vẫn còn sống chung nhà nhưng không còn ăn cơm chung, không ai quan tâm lẫn nhau, mặc ai nấy sống. Nay chị T không còn tình cảm với anh T, chị T và anh T không thể hàn gắn tình cảm với nhau. Chị T yêu cầu ly hôn với Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 2 con chung là Nguyễn Hữu Duy, sinh ngày 17/9/2001 và Nguyễn Lê Yến Phương sinh ngày 18/6/2015. Hiện nay cháu Duy và cháu Phương đang sống chung với vợ chồng chi T và anh T. Chị T yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Duy và cháu Phương cho T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

**Tại bản tự khai và những lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên Tòa, bị đơn, anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Anh Nguyễn Thanh T và chị Lê Thị T có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Bình Thới vào năm 1999. Chúng tôi sống có hạnh phúc đến tháng 06 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mậu thuẫn do chị T T thường xuyên cằn nhằn anh T trong chuyện tiền bạc, anh T có lo cuộc sống gia đình, anh T có nhậu nhẹt do làm ăn không được. Anh T và chị T không có ly thân vẫn còn sống chung nhà, nhưng không có ăn cơm chung với nhau, không có ai quan tâm lẫn nhau, mặc ai nấy sống.Anh T không đồng ý ly hôn với Lê Thị T vì con còn nhỏ.

Anh T và T có hai con chung là Nguyễn Hữu Duy, sinh ngày 17/9/2001 và Nguyễn Lê Yến Phương sinh ngày 18/6/2015. Hiện nay cháu Duy và cháu Phương đang sống chung với vợ chồng anh T và chị T. Anh T đồng ý giao hai con chung là cháu Duy và cháu Phương cho T nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Nguyên đơn chấp hành tốt quy định bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng nên vị phạm quy định bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung Nguyễn Hữu Duy, sinh ngày 17/9/2001 và Nguyễn Lê Yến Phương sinh ngày 18/6/2015, anh T đồng ý giao cháu Duy và cháu Phương cho chị T nuôi dưỡng**.** Nhận thấy cháu Duy và cháu Phương được chị Phụng nuôi dưỡng và phát triển bình thường khỏe mạnh và phù hợp với nguyện vọng của cháu Duy, nên tiếp tục giao cháu Duy cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh T khai không có, nên không xét đến.

Về nợ chung**:** Chị T và anh T khai không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh T là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thanh T cưới nhau vào năm 1999 , trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Bình Thới vào năm 1999 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không loc cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tính tình vợ chồng không hợp. Vì vậy chị T và anh T đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do anh có nhậu nhẹt nhưng do vợ chồng làm ăn không được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do chị T thường xuyên cằn nhằn trong chuyện tiền bạc. Anh T thừa nhận vợ chồng anh T và chị T vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm lẫn nhau, mặc ai nấy sống. Anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng con còn nhỏ.

[3] Qua xác minh chính quyền khu phố 3, thị trấn BĐ và những người hàng xóm của chị T và anh T thì cuộc sống vợ chồng chị T, anh T có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

[4] Mặt khác, anh T đã được triệu tập đến lần 2 để xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh T không còn muốn hàn gắn cuộc sống hôn nhân với chị T.

[5] Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu được ly hôn

với anh Nguyễn Thanh T là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử.

[6] Về con chung: Chị T và anh T có 02 người con chung là Nguyễn Hữu Duy, sinh ngày 17/9/2001 và Nguyễn Lê Yến Phương sinh ngày 18/6/2015. Anh T và chị T thống nhất để chị T tiếp tục nuôi cháu Duy và cháu Phương**.** Nhận thấy, cháu Duy và cháu Phương được chị Phụng nuôi dưỡng và phát triển bình thường khỏe mạnh và phù hợp với nguyện vọng của cháu Duy, nên tiếp tục giao cháu Duy và cháu Phương cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử.

[7] Về tài sản chung: Chị T và anh T khai không có, nên không xét đến.

[8] Về nợ chung: Chị T và anh T khai không có, nên không xét đến.

[9]Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81 , 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Thanh T. Chị T được ly hôn với anh T. Quan hệ hôn nhân của chị T và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị T và anh T có 02 người con chung là Nguyễn Hữu Duy, sinh ngày 17/9/2001 và Nguyễn Lê Yến Phương sinh ngày 18/6/2015. Chị T được tiếp tục nuôi Duy và cháu Phương. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006065 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh BT. Vậy án phí chị Lê Thị T đã nộp đủ.

Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Thanh T vắng mặt cũng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Ủy ban nhân dân xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tháo